

Số: 22/2023/QĐ-UBND

An Giang, ngày 25 tháng 5 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy định mức bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 120/TTr-SNNPTNT ngày 12 tháng 5 năm 2023.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023 và thay thế Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về ban hành Quy định về mức bồi thường cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2018; Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2021

của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức bồi thường cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Website Chính phủ;
- Các Bộ: NNPTNT, TC, TNMT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo văn phòng UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Phòng: NC, TH, KTN;
- Lưu: P.HCTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Anh Thư**

**QUY ĐỊNH**

**Mức bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản  
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang**  
(Kèm theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này áp dụng cho việc bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.
2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5 Luật Đất đai năm 2013 khi Nhà nước thu hồi đất.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại đối với cây trồng và vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất.

**Chương II****BỒI THƯỜNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI LÀ THỦY SẢN****Điều 3. Mức bồi thường đối với cây trồng hàng năm****1. Mức bồi thường đối với cây trồng hàng năm**

Mức bồi thường được tính bằng giá trị sản lượng của vụ thu hoạch. Giá trị sản lượng của vụ thu hoạch được tính theo năng suất của vụ cao nhất trong 03 năm trước liền kề của cây trồng chính tại địa phương và giá trung bình tại thời điểm thu hồi đất.

2. Căn cứ tình hình thực tế của khu vực dự án, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng cấp huyện xác định loại cây trồng chính, năng suất, giá bán trung bình tại thời điểm thu hồi đất để đề nghị mức bồi thường chung cho toàn khu vực dự án theo công thức sau:

$$\text{Mức bồi thường} = \text{Năng suất cao nhất 1 vụ} \times \text{giá bán trung bình}$$

(đồng/m<sup>2</sup>)                      (kg/m<sup>2</sup>)                      (đồng/kg)

3. Năng suất cây trồng và giá bán trung bình phải do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế xác nhận. Trường hợp đã thu hoạch xong thì không tính bồi thường.

#### **Điều 4. Mức bồi thường đối với cây lâu năm**

Cây lâu năm bao gồm cây công nghiệp, cây ăn quả và các loại cây lâu năm khác theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và khoản 9 Điều 2 Luật Trồng trọt năm 2018. Mức bồi thường được tính bằng giá trị hiện có của vườn cây theo giá ở địa phương tại thời điểm thu hồi đất mà không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất.

##### 1. Cây ăn trái:

a) Để xác định giá bồi thường, đối với cây ăn trái được chia ra làm 04 giai đoạn sinh trưởng của cây trồng để xác định loại cây như sau:

- Loại A: Cây trồng đang trong thời kỳ trưởng thành, cho trái, năng suất cao, ổn định.
- Loại B: Cây đang thời kỳ sinh trưởng, cho trái chưa ổn định; cây trong thời kỳ già cỗi, năng suất kém.
- Loại C: Cây đang thời kỳ sinh trưởng, chưa cho trái.
- Loại D: Cây mới trồng dưới 1 năm (cây còn nhỏ chưa được phân loại A, B, C).

b) Trường hợp vườn trồng chuyên canh, có trồng thêm cây phân tán (tại các bờ thửa, liếp) hoặc trồng xen cây hàng năm, cây ăn trái, thì tính theo giá trị của cây trồng chính cộng thêm giá trị của cây phân tán hoặc cây hàng năm, cây ăn trái theo số lượng cây trồng thực tế bị thiệt hại.

c) Đối với cây trồng chưa thu hoạch nhưng có thể di chuyển đến địa điểm khác thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại thực tế do phải di chuyển, phải trồng lại. Mức bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại thực tế do phải di chuyển, phải trồng lại theo thực tế tại địa phương do tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng xác định.

##### 2. Cây lấy gỗ:

Mức bồi thường được tính bằng số lượng từng loại cây trồng nhân với đơn giá một cây tương ứng cùng loại, cùng độ tuổi, cùng kích thước hoặc cùng khả năng cho sản phẩm ở thị trường địa phương tại thời điểm thu hồi đất.

Cơ sở để tính bồi thường đối với cây lấy gỗ:

- a) Mức bồi thường không bao gồm xác cây.
- b) Các loại cây lấy gỗ được tính bằng đường kính góc, riêng đối với cừ tràm thì tính bằng đường kính ngọn.
- c) Xác định nhóm gỗ căn cứ theo Quyết định số 2198/CNR ngày 26 tháng 11 năm 1977 của Bộ Lâm nghiệp về việc phân loại các loại gỗ sử dụng và Quyết định

số 334/CNR ngày 10 tháng 5 năm 1988 của Bộ Lâm nghiệp điều chỉnh việc xếp hạng một số loại gỗ sử dụng trong bản phân loại 8 nhóm.

3. Cây trồng làm hàng rào: Mức bồi thường theo số lượng cây trồng làm hàng rào thực tế bị thiệt hại.

#### 4. Cây kiềng

Các loại cây kiềng thuộc nhóm cây có thể di chuyển đến địa điểm khác thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại thực tế do di chuyển, phải trồng lại.

Trường hợp cây kiềng không thể di chuyển (bị giải tỏa trắng không thể thu hồi được giá trị cây kiềng khi nhà nước thu hồi đất) thì xem xét bồi thường. Mức bồi thường tùy theo đặc điểm từng loại cây kiềng và giá thuê mướn nhân công thực tế theo thời điểm của địa phương mà tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng cấp huyện lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan như Hội Sinh vật cảnh tỉnh, các công ty mua bán cây kiềng trong và ngoài tỉnh, xác định mức bồi thường cũng như mức giá hỗ trợ di dời, đề xuất mức bồi thường gửi đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phối hợp với Sở Tài chính xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho từng phương án bồi thường cụ thể.

5. Cây leo giàn: Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng cấp huyện tổ chức, khảo sát thực tế gửi đến Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn để phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho từng phương án bồi thường cụ thể.

6. Đối với cây hoang dại, cây mọc tự nhiên dạng cây bụi, dây leo không có giá trị không phải do con người gieo trồng thì không thuộc đối tượng tính bồi thường.

7. Chi phí chặt hạ đối với các loại cây ăn trái đã lão hóa không còn thu hoạch, căn cứ theo quyết định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành bộ đơn giá xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh An Giang để thực hiện.

8. Sau khi nhận được tiền bồi thường, chủ sở hữu được quyền sử dụng tất cả các loại cây trồng và phải tự tổ chức giải phóng mặt bằng.

### **Điều 5. Bồi thường đối với vật nuôi là thủy sản**

Khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản thì việc bồi thường thực hiện theo quy định sau đây:

1. Đối với vật nuôi là thủy sản mà tại thời điểm thu hồi đất đã đến thời kỳ thu hoạch thì không phải bồi thường.

2. Đối với vật nuôi là thủy sản mà tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch thì được bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm.

3. Đối với vật nuôi là thủy sản mà tại thời điểm thu hồi đất có thể di chuyển được thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại thực tế do di chuyển gây ra. Mức bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển gây ra theo thực tế tại địa phương do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức phối hợp

các cơ quan, đơn vị có liên quan khảo sát thực tế để đề xuất mức bồi thường, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp**

Các dự án, hạng mục đang thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã được phê duyệt.

##### **Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng**

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của số liệu trong việc kiểm kê, phân loại và xác định mức bồi thường cụ thể tại thời điểm kiểm kê (nếu cần thiết, thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng mời công chức, viên chức có chuyên môn về trồng trọt và thủy sản trên địa bàn tham gia kiểm kê, phân loại).

##### **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan rà soát thông báo giá một số loại cây trồng, vật nuôi là thủy sản phổ biến trên địa bàn tỉnh để địa phương, đơn vị tham khảo. Đồng thời chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Tổ chức phát triển quỹ đất xác định mức bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản đối với các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân bị thu hồi đất trên địa bàn theo Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh vướng mắc, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung phù hợp theo quy định./.